

Lý thuyết khoa học và tiêu chuẩn đánh giá

NGUYỄN ĐÌNH THỌ

Xây dựng và kiểm định các lý thuyết khoa học để phục vụ cho con người là công việc của các nhà nghiên cứu khoa học. Điều này không ngoại lệ đối với các nhà nghiên cứu tiếp thị (1). Tuy nhiên, các tiêu chuẩn dùng để đánh giá một lý thuyết khoa học không phải luôn luôn đạt được tính thống nhất cao giữa các nhà khoa học. Nhiều công trình khoa học được đánh giá cao do người này nhưng lại rất thấp do người khác. Do vậy, bài viết này nhằm mục đích phân tích các thành phần của một lý thuyết khoa học trong ngành tiếp thị cùng với các tiêu chuẩn để đánh giá nó.

Nghiên cứu và xây dựng lý thuyết khoa học

Như chúng ta đã biết, nghiên cứu khoa học là cách thức con người tìm hiểu các vấn đề khoa học một cách có hệ thống. Có nhiều trường phái trong nghiên cứu khoa học, chúng ta có thể chia thành hai trường phái chính – định tính và định lượng. Nghiên cứu định tính thường đi đôi với việc khám phá ra các lý thuyết khoa học, dựa trên nguyên tắc quy nạp (dữ liệu trước lý thuyết sau) và nghiên cứu định lượng gắn liền với việc kiểm chứng chúng, dựa trên nguyên tắc suy diễn (lý thuyết rồi đến dữ liệu).

Cũng cần chú ý là không phải khám phá ra các lý thuyết khoa học là phải dùng định tính và kiểm định các lý thuyết khoa học là phải dùng định lượng. Phương pháp định tính vẫn được sử dụng để kiểm định các lý thuyết khoa học và phương pháp định lượng cũng thường được sử dụng để khám phá ra các lý thuyết khoa học. Hơn nữa, nhiều công cụ nghiên cứu trong đó thông tin sử dụng có thể là định tính hay định lượng, hay cả hai, thí dụ như nghiên cứu tình huống (2) (Yin 1994). Nghiên cứu tình huống thường dùng để khám phá ra các lý thuyết khoa học, nhưng trong những

năm gần đây, phương pháp này còn được dùng để kiểm định các lý thuyết khoa học (Johnston, Leach & Liu 1999). Tuy nhiên, đặc điểm của nghiên cứu định tính phù hợp với việc xây dựng lý thuyết hơn và nghiên cứu định lượng phù hợp với kiểm định lý thuyết hơn.

Xây dựng hay kiểm định lý thuyết khoa học, định tính hay định lượng cũng là đề tài của những tranh luận lý thú về lý luận khoa học trong thế kỷ 20 và tiếp tục ở thế kỷ 21 này. Nhiều nhà lý luận khoa học cho rằng cần phải tách biệt hai lãnh vực – khám phá một lý thuyết khoa học và kiểm định nó. Tiên phong về việc này có thể kể đến Reichenbach (1938), người đã đưa ra khái niệm về phạm vi khám phá (context of discovery) và phạm vi kiểm định lý thuyết khoa học (context of justification). Theo quan điểm này, nghiên cứu khoa học chỉ thuộc về vấn đề kiểm định các lý thuyết khoa học. Cách nhìn về nghiên cứu khoa học theo Reichenbach và những người ủng hộ cho cách nhìn này, thí dụ như Hunt (1991) trong ngành tiếp thị, đã thống trị một thời gian dài (3).

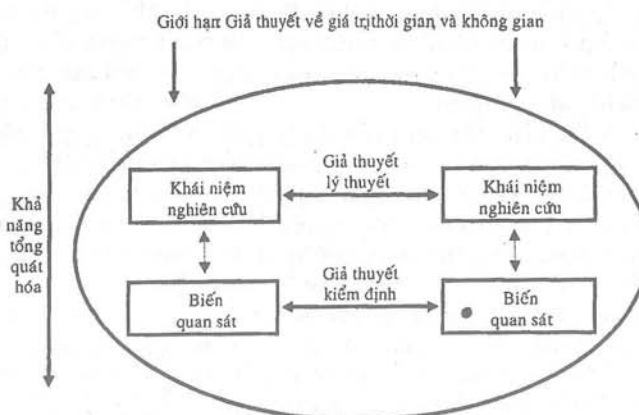
Tuy nhiên, nhiều nhà lý luận khoa học cho rằng không thể tách rời giữa khám phá và kiểm định một lý thuyết khoa học. Hay nói cách khác, chúng là hai phần của một chiếc bánh x (Zaltman, Lemasters & Hellring 1982:105). Nếu theo quan điểm này thì lý

thuyết khoa học có thể được xây dựng từ lý thuyết (suy diễn) hay dữ liệu (qui nạp). Hơn nữa, trường phái phối hợp giữa định tính và định lượng dần dần được chấp nhận trong nghiên cứu khoa học (Tashakkori & Teddlie 1998). Do vậy, các phân tích dưới đây không phân biệt cách thức mà một lý thuyết khoa học được xây dựng.

Các thành phần của lý thuyết khoa học

Có nhiều cách định nghĩa một lý thuyết khoa học. Theo Kerlinger (1986:9), một lý thuyết khoa học là “một tập của những khái niệm, định nghĩa, và giả thuyết trình bày có hệ thống thông qua các mối quan hệ giữa các khái niệm, nhằm mục đích giải thích và dự báo các hiện tượng khoa học”. Định nghĩa này bao gồm ba vấn đề chính yếu của một lý thuyết khoa học. Một là, một lý thuyết khoa học là tập hợp các giả thuyết lý thuyết (4). Các giả thuyết lý thuyết nói lên mối liên hệ (tương quan hay nhân quả) giữa các khái niệm nghiên cứu (5) và có lập với những khái niệm không được nêu ra trong lý thuyết đó. Điều này có nghĩa là một lý thuyết có giới hạn của nó, xác định bằng các giả thuyết về giá trị, thời gian, và không gian. Thứ hai, các khái niệm phải là khái niệm nghiên cứu, nghĩa là chúng ta có thể đo lường chúng được bằng các biến quan sát (6) và các khái niệm nghiên cứu này có mối liên hệ với một hay nhiều khái niệm nghiên cứu khác. Thứ ba là một lý thuyết phải nhằm mục đích giải thích các hiện tượng khoa học. Các thành phần này được biểu diễn trong hình dưới đây.

Các thành phần của một lý thuyết khoa học



Nguồn: Bacharach (1989: 497).

Các tiêu chuẩn đánh giá một lý thuyết khoa học

Việc thiết lập các tiêu chuẩn đánh giá một lý thuyết khoa học là một công việc không đơn giản. Nó phụ thuộc vào nhiều yếu tố như dựa trên trường phái nào, cách sử dụng các công cụ của trường phái đó, và ngay cả, tính chủ quan của người đánh giá. Có nhiều trường hợp một dự án khoa học được nhà nghiên cứu này đánh giá rất cao nhưng người khác thì cho rằng giá trị của nó rất hạn chế. Thí dụ như có một nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp định tính. Nếu nghiên cứu này do một nhà khoa học theo trường phái định lượng và cho rằng phương pháp định tính không thể giải quyết được vấn đề này có hiệu quả thì nghiên cứu này khó mà đạt được sự đánh giá đúng mức. Trong khoa học, không nhiều thì ít, thường không tránh khỏi những trường hợp như vậy. Tuy vậy, không phải chúng ta không có hay không thể thiết lập những tiêu chuẩn để đánh giá một lý thuyết khoa học. Dựa trên cơ sở cấu thành của nó (Dubin 1978; Bacharach 1989), một lý thuyết khoa học có thể được đánh giá theo các điểm chính sau:

1. *Yếu tố cấu thành*: Những yếu tố nào (khái niệm, khái niệm nghiên cứu, biến quan sát) được xem xét trong lý thuyết dùng để giải thích các hiện tượng khoa học. Khi đánh giá tiêu chuẩn này chúng ta dựa trên hai nguyên tắc chính khi chọn các yếu tố này – nguyên tắc toàn diện, nghĩa là phải chọn đầy đủ các yếu tố thích hợp, và nguyên tắc đơn giản, nghĩa là một lý thuyết càng đơn giản càng tốt (7).

2. *Mối quan hệ giữa các yếu tố*: Sau khi đánh giá các yếu tố cấu thành, chúng ta cần đánh giá mối quan hệ giữa chúng (giả thuyết lý thuyết, kiểm định). Một vấn đề quan trọng ở đây là cơ sở cho việc chọn các khái niệm, biến quan sát và mối quan hệ giữa chúng (8).

3. *Khả năng tổng quát hóa của lý thuyết*: Một lý thuyết khoa học trong ngành tiếp thị thường thì không thể đúng cho mọi lúc, mọi nơi được. Vì vậy, nhà nghiên cứu cần xác định những giới hạn cho khả năng tổng quát hóa của lý thuyết, và cũng dựa trên cơ sở này để xác định phạm vi giải thích và dự đoán của nó.

4. *Đóng góp của lý thuyết về mặt lý luận và thực tiễn*: Những điểm gì mới được tìm ra trong nghiên cứu này. Lý

thuyết này có làm thay đổi gì trong ngành khoa học đó, có khả năng giải thích và dự báo các hiện tượng khoa học không? Lý thuyết được đưa ra có phải là vấn đề đang được chú ý trong lúc này không? Và quan trọng nhất đối với một lý thuyết trong ngành tiếp thị là có được các nhà quản trị quan tâm đến, và ứng dụng chúng không?

5. *Tính kiểm định được*: Một lý thuyết có giá trị khi nào nó được kiểm chứng thông qua thực tiễn. Thông qua các kiểm chứng (ở nhiều điều kiện khác nhau như không gian, thời gian, vv.), lý thuyết này có thể được chấp nhận hay bị từ chối (9). Tính kiểm định được liên quan đến một vấn đề rất quan trọng trong các ngành khoa học xã hội nói chung và ngành tiếp thị nói riêng, đó là việc đo lường các khái niệm nghiên cứu. Khi đưa một khái niệm vào để xây dựng một lý thuyết khoa học, chúng ta phải nghĩ ngay đến cách đo lường chúng. Khi kiểm định một lý thuyết khoa học, người ta luôn luôn đánh giá giá trị và độ tin cậy của đo lường. Nếu các thang đo các khái niệm không thỏa mãn được yêu cầu thì dù các giả thuyết đề ra có được chấp nhận, chúng cũng không có ý nghĩa gì cả trong khoa học (10).

Kết luận

Lý thuyết khoa học trong ngành tiếp thị được xây dựng bằng nhiều phương pháp khác nhau. Dù được xây dựng theo phương pháp nào chúng phải là tập hợp của các liên hệ giữa các khái niệm lý thuyết dùng để giải thích các hiện tượng khoa học. Khả năng này có thể được đánh giá thông qua năm tiêu chuẩn chính – các yếu tố cấu thành nên nó, mối quan hệ giữa các yếu tố này, giới hạn cho khả năng tổng quát hóa của lý thuyết, đóng góp của lý thuyết về mặt lý luận cũng như thực tiễn, và cuối cùng là khả năng kiểm định được. Những tiêu chuẩn này hy vọng sẽ góp phần vào việc hỗ trợ những người làm công tác khoa học trong quá trình đánh giá các lý thuyết khoa học trong ngành khoa học xã hội nói chung và trong ngành tiếp thị nói riêng ■

CHÚ THÍCH

(1) Bài viết này chỉ đề cập đến dạng nghiên cứu hàn lâm tiếp thị, không đề cập đến dạng nghiên cứu ứng dụng để ra quyết định tiếp thị, mà thường được gọi là nghiên cứu thị trường. Hơn nữa, ở đây, tác giả chỉ

đề cập đến ngành tiếp thị. Tuy nhiên, những nguyên tắc này không chỉ dành riêng cho ngành tiếp thị mà còn cho các ngành khoa học xã hội khác, đặc biệt là trong ngành quản trị.

(2) Ở đây chỉ đề cập đến nghiên cứu tình huống (case studies) dùng trong xây dựng và kiểm định lý thuyết khoa học, không đề cập đến dạng phân tích tình huống dùng trong đào tạo.

(3) Chúng ta cũng không ngạc nhiên khi thấy các luận án tiến sĩ thường theo quan điểm này. Hơn nữa, nhiều nghiên cứu sinh và kể cả người hướng dẫn cho rằng đây là cách an toàn để viết một luận án tiến sĩ khoa học trong tiếp thị (cho đến ngày hôm nay).

(4) Có hai thuật ngữ giả thuyết được sử dụng trong nghiên cứu khoa học: giả thuyết lý thuyết (propositions) và giả thuyết kiểm định (hypotheses). Giả thuyết lý thuyết là các giả thuyết chỉ mối liên hệ giữa các khái niệm trong một lý thuyết. Vì vậy, trong một nghiên cứu khoa học, khi chúng ta chưa thể kiểm định các mối liên hệ này bằng thực tiễn thì các mối liên hệ này là các giả thuyết lý thuyết. Một khi chúng ta đưa ra các giả thuyết và sẽ thu thập thông tin để kiểm định các giả thuyết này thì các giả thuyết đưa ra là các giả thuyết kiểm định. Như vậy, giả thuyết lý thuyết biểu diễn mối liên hệ giữa các khái niệm nghiên cứu và giả thuyết kiểm định dùng để biểu diễn các mối liên hệ giữa các biến quan sát. Cần chú ý là để kiểm định một giả thuyết lý thuyết chúng ta có thể dùng một hay nhiều giả thuyết kiểm định. Trong trường hợp chỉ cần một giả thuyết kiểm định để kiểm định một giả thuyết lý thuyết thì khái niệm giả thuyết lý thuyết và giả thuyết kiểm định thực chất là một, một cái mang ý nghĩa lý thuyết và một cái mang ý nghĩa thực tiễn.

(5) Có hai thuật ngữ khái niệm – khái niệm (concepts) và khái niệm nghiên cứu (constructs). Thuật ngữ khái niệm được dùng để chỉ một sự việc/vật có thể là cụ thể như cái bàn, cái ghế hay trừu tượng như thái độ, động cơ mua hàng. Như vậy khi xây dựng một lý thuyết khoa học, chúng ta phải xác định các khái niệm sẽ tạo thành nên lý thuyết. Một khi một khái niệm là một thành phần của lý thuyết có hai vấn đề cần xem xét, đó là (1) chúng ta phải đo lường được nó, và (2) mối liên hệ của nó với các khái niệm khác trong lý thuyết được xây dựng. Một khái niệm có thể và sẽ được đo lường để khám phá hoặc kiểm định mối quan hệ giữa nó với các khái niệm khác thì nó được gọi là khái niệm nghiên cứu. Trong phạm vi nghiên cứu, khi đề cập đến khái niệm thì nó là khái niệm nghiên cứu. Chính vì vậy, thuật ngữ khái niệm và khái niệm nghiên cứu đôi khi được dùng như nhau (gọi chung là khái niệm).

(6) Thường thì chúng ta không thể đo lường trực tiếp được các khái niệm nghiên cứu mà phải thông qua một hay nhiều biến khác có thể đo lường được. Các biến dùng để đo lường một khái niệm nghiên cứu được gọi là biến quan sát hay biến đo lường (trong tiếng Anh có nhiều thuật ngữ được dùng để chỉ biến quan sát như observed variables, items, manifest variables, indicators). Chính vì vậy, khái niệm nghiên cứu còn được gọi là biến tiềm ẩn (latent variables).

(Xem tiếp trang 7)

nhau của thuế gián thu và thuế trực thu là tổ chức, cá nhân khai man, trốn thuế phải chịu truy cứu trách nhiệm hình sự về "tội trốn thuế". Nhưng lại khác nhau: khi không nộp thuế, nộp phạt thuế gián thu phải bị chế tài hình sự; còn không nộp thuế, nộp phạt thuế trực thu phải bị chế tài theo luật thuế, và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

Cho nên thủ tục tố tụng thuế gián thu thuộc thẩm quyền tòa hình sự, còn thủ tục tố tụng thuế trực thu thuộc thẩm quyền tòa hành chính hoặc có thể hiểu tố tụng thuế trực thu thuộc về tố tụng hành chính. Về phương diện thẩm quyền tố tụng: tố tụng thuế gián thu: (Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu) thuộc thẩm quyền tố tụng tài phán. Tố tụng thuế trực thu: (Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp, Luật thuế chuyển quyền sử dụng đất, Pháp lệnh thuế tài nguyên, Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao, Pháp lệnh thuế nhà đất) thuộc:

- Thẩm quyền tố tụng tài phán;
- Thẩm quyền phi tụng tài phán và
- Thủ tục chức giám đương nhiên (dùng cho cả phi tụng tài phán và tố tụng tài phán).

Ngoài ra, thủ tục tố tụng thuế trực thu có hai loại: tố tụng truy thu thuế và thủ tục khiếu nại; còn thủ tục tố tụng thuế gián thu là thủ tục cưỡng chế hành

Phân biệt hành vi vi phạm giữa sắc thuế trực thu và thuế gián thu

Hành vi vi phạm	Thuế trực thu	Thuế gián thu
Khai man, trốn thuế	- Phạt tiền từ một đến... lần số thuế gian lận trốn thuế - Chế tài hình sự (Điều 161 tội trốn thuế - BLHS)	- Phạt tiền từ một đến ... lần số thuế gian lận trốn thuế - Chế tài hình sự (Điều 161 Tội trốn thuế - BLHS)
Không nộp thuế, nộp phạt	- Chế tài luật thuế - Xử phạt vi phạm hành chính về thuế - Mỗi ngày nộp chậm còn nộp phạt 0,1% số tiền nộp chậm - Trích tiền gửi của đối tượng nộp thuế tại ngân hàng - Giữ hàng hóa tang vật - Kê biên tài sản	- Kiến nghị chế tài hình sự (Điều 140 khoản 1 BLHS Tội lạm dụng chiếm đoạt tài sản)
Hành thu	- Bộ thuế được duyệt	Tờ khai nộp thuế.

chính, sau khi có thủ tục thi hành bản án quyết định của tòa án.

Việc ban hành Luật tố tụng về thuế nhằm xác định trách nhiệm và quyền hạn của cán bộ, công chức và cơ quan trong vấn đề thanh tra, kiểm tra, kiểm soát thuế, thời hạn giải quyết khiếu nại của cơ quan, xác định thời hiệu khiếu nại của người khiếu nại, hay xác định ngày nhận đơn khiếu kiện, ngày thụ lý đơn khiếu kiện của tòa án. Việc ban hành Luật tố tụng về thuế là nhằm phân định người khiếu kiện chỉ có thể đưa ra trước tòa hành chính các vụ kiện có liên quan về thuế trực thu; còn cơ quan thuế có quyền và trách nhiệm đề nghị truy tố các cá nhân, tổ chức trốn thuế (trực thu

và gián thu) và không nộp thuế (gián thu) ra trước Tòa hình sự. Vì sao cần phải có Luật tố tụng về thuế? Bởi vì Luật tố tụng về thuế vừa giúp cơ quan thuế có thể đòi thuế (hành thu) một cách nhanh chóng và hiệu quả, vừa bảo vệ được quyền lợi chính đáng của đối tượng chịu thuế, tránh các sự lạm dụng của các cơ quan công quyền.

Tóm lại, cần thiết phải xây dựng một Bộ luật tố tụng về thuế nhằm tạo ra hành lang pháp lý chặt chẽ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp cũng như quyền và lợi ích của Nhà nước trong các trường hợp tranh chấp có liên quan về thuế ■

(Tiếp theo trang 38)

Lý thuyết khoa học ...

(7) Những nhà nghiên cứu tập sự thường có quan niệm sai lầm về nguyên tắc thứ 2 này. Họ có khuynh hướng xây dựng các lý thuyết rất phức tạp (đưa quá nhiều khái niệm nghiên cứu và giả thuyết mà chúng không đóng góp gì cho việc giải thích các hiện tượng khoa học). Việc này chỉ đóng góp vào số lượng trang của luận án (tốn thêm giấy mực, công sức của người viết cũng như của người đọc). Cần nhớ một nguyên tắc là cùng giải thích một hiện tượng khoa học như nhau, lý thuyết nào càng đơn giản (và số lượng trang viết càng ít) càng tốt. Việc xây dựng một lý thuyết cũng giống như việc thiết kế một cái máy. Nếu cùng thực hiện một chức năng như nhau thì thiết kế nào càng đơn giản, dễ chế tạo (sẽ tốn chi phí ít hơn và dễ vận hành hơn) càng tốt.

(8) Trong thế giới nghiên cứu khoa học có phát biểu khá lý thú là "lý thuyết khoa học

không thể được xây dựng nên từ chân không".

(9) Cần chú ý là chúng ta chỉ có thể kết luận rằng với dữ liệu hiện có, thì chúng ta chấp nhận (hay từ chối) các giả thuyết nêu ra trong lý thuyết chứ không thể chứng minh một lý thuyết là đúng hay sai, tuy rằng thuật ngữ này đôi khi được dùng, nhất là đối với các nhà khoa học đã nổi tiếng. Các nghiên cứu sinh cần tránh khi viết luận án của mình vì khi các nhà khoa học nổi tiếng dùng nó thì người đọc sẽ hiểu rằng thuật ngữ này chỉ việc chấp nhận hay từ bỏ một lý thuyết. Nhưng nếu một nghiên cứu sinh dùng từ này thì người đọc sẽ cho rằng nghiên cứu sinh này chưa hiểu bản chất của kiểm định khoa học!!!

(10) Trong khoa học người ta thường nói nếu không đo lường được thì không có khoa học. Cho nên ngành vật lý thường được gọi là ông hoàng của các ngành khoa học vì các nhà vật lý đã tìm ra các phương pháp đo lường đạt độ chính xác cao.

Tài liệu đã dẫn

Bacharach, S. B. (1989), *Organisational Theories: Some Criteria for Evaluation*, Acad-

emy of Management Review, 14(4), 496-515.

Dubin, R. (1978), *Theory Building*, New York: The Free Press.

Hunt, S. D. (1991), *Modern Marketing Theory: Critical Issues in the Philosophy of Marketing Science*, South-Western Publishing Co.

Johnston, W. J., M. P. Leach & A. H. Liu (1999), *Theory Testing Using Case Studies in Business-to-Business Research*, Industrial Marketing Management, 28, 201-213.

Kerlinger, F. N. (1986), *Foundations of Behavioural Research*, 3rd ed., Holt, Rinehart & Winston Inc.

Reichenbach, H. (1938), *Experience and Prediction*, Chicago: University of Chicago Press.

Tashakkori, A. & C. Teddlie (1998), *Mixed Methodology*, Thousand Oaks: Sage

Yin, R. K. (1994), *Case Study Research: Design and Methods*, Thousand Oaks: Sage

Zaltman, G., K. Lemasters, & M. Heffring (1982), *Theory Construction in Marketing: Some Thoughts on Thinking*, New York: John Wiley & Sons.